

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN H
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 23/11/2018

V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN H – THÀNH PHỐ H

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Xuân Miễn – Bà Tô Thị Minh Châm

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hà My - Thư ký TAND Q. H

Đại diện VKSND quận H tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Hòa – Kiểm sát viên.

Ngày 23/11/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân quận H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 683/2018/TLST – HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2018 về tranh chấp hôn nhân gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 149/2018/QĐXX-ST ngày 12/11/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị Phạm Thanh H** – Sinh năm 1977

HKTT: Phường T, quận H, thành phố H.

Tạm trú: Phường C, quận H, thành phố H.

(Có mặt tại phiên tòa)

Bị đơn: **Anh Nguyễn Văn H** – Sinh năm: 1972

HKTT: Phường T, quận H, thành phố H. Hiện đang chấp hành hình phạt tù tại trại giam T.

(Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - Chị Phạm Thanh H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn H kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND phường C, quận H, Thành phố H, trước khi kết hôn vợ chồng có thời gian tìm hiểu, kết hôn tự nguyện. Sau khi kết hôn, ban đầu vợ chồng sống hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Khoảng năm 2000, anh H mua bán trái phép chất ma túy,

bị bắt và Tòa án xét xử 12 năm tù. Khoảng năm 2016, anh H chấp hành xong hình phạt, nhưng không về chung sống với chị. Đến năm 2018, anh H lại bị bắt về tội ma túy và bị Tòa án xử phạt 36 tháng tù giam. Hiện đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam T. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên chị xin ly hôn.

Về con chung: Chị và anh H có 01 con chung là cháu Nguyễn Việt D – sinh 10/11/1995. Từ khi anh H bị bắt lần đầu cho đến nay, cháu D vẫn do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện nay cháu đang ở cùng chị. Con chung đã đủ 18 tuổi, đủ tuổi trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nhà ở, công nợ chung: Chị xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai, không cho ai vay nợ, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị không có yêu cầu nào khác.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 01/11/2018, bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:

Anh và chị H kết hôn năm 1995. Quá trình chung sống anh chị sống hạnh phúc được thời gian đầu. Năm 2004 – 2014 anh đi chấp hành án tại Trại giam T. Đến năm 2017, anh bị Tòa án nhân dân quận Đ xử phạt 36 tháng tù giam về tội ma túy. Hiện anh Hưởng đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam T. Nay chị H xin ly hôn, anh hoàn toàn đồng ý thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Việt D – sinh 10/11/1995. Từ trước đến nay, cháu D vẫn do chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Nay con chung đã đủ 18 tuổi, đủ tuổi trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi con chung.

Về tài sản chung và nhà ở, công nợ chung: anh xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai, không cho ai vay nợ, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh không có yêu cầu nào khác.

Tại phiên tòa: Chị H vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại đơn khởi kiện và các ý kiến bổ sung trong quá trình giải quyết vụ án. Chị xin được ly hôn với anh H. Con chung đã đủ tuổi trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nhà ở, công nợ chung: Chị xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa xét xử. Tòa án đã xác định đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật. Thực hiện đúng quy định của pháp luật về việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng. Việc thu thập chứng cứ và thủ tục kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuẩn bị xét xử và đưa vụ án ra xét xử đã thực hiện quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và các đương sự tại phiên tòa:

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử, chị H đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo đúng quy định của pháp luật, anh H không có mặt, Hội đồng xét xử căn cứ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh H là đúng quy định của pháp luật.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nhận thấy: Chị Phạm Thanh H và anh Nguyễn Văn H kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND phường C, quận H, Thành phố H, trước khi kết hôn vợ chồng có thời gian tìm hiểu, kết hôn tự nguyện do đó hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp, việc Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là có căn cứ. Đây là vụ án Tòa án có thu thập chứng cứ theo điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Viện kiểm sát tham gia phiên tòa xét xử. Hồ sơ vụ án đã đủ điều kiện đưa vụ án ra xét xử.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 50, 81, 82 và 83 - Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị H được ly hôn anh H.

Về con chung: Xác nhận anh chị có 01 con chung là: Nguyễn Việt D – sinh 10/11/1995. Con chung đã đủ 18 tuổi, đủ tuổi trưởng thành anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Về tài sản chung và nhà ở, công nợ chung: anh chị xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Về án phí: Chị Phạm Thanh H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1. Về tố tụng:

Anh Nguyễn Văn H là bị đơn trong vụ án. Anh có lời khai xin vắng mặt tại các buổi làm việc của Tòa án vì đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam T, anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

2. Về nội dung:

2.1. Về tình cảm: Chị Phạm Thanh H và anh Nguyễn Văn H kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND phường C, quận H, Thành phố H, trước khi kết hôn vợ chồng có thời gian tìm hiểu, kết hôn tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, ban đầu anh chị chung sống hạnh phúc sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Năm 2004, anh H mua bán trái phép chất ma túy, bị bắt và Tòa án xét xử 12 năm tù. Anh chấp hành án tại trại giam T đến năm 2014. Khi ra tù anh chị cũng không chung sống với nhau. Năm 2017, anh H bị bắt về tội tàng trữ ma túy và bị Tòa án xử phạt 36 tháng tù giam. Hiện đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam T. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên chị xin ly hôn. Anh H đồng ý ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H xin ly hôn là phù hợp với điều 56 – Luật hôn nhân gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.2. Về con chung: Anh chị đều xác nhận có 01 con chung là: Nguyễn Việt D sinh 10/11/1995. Con chung đã đủ 18 tuổi, đủ tuổi trưởng thành anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

2.3. Về tài sản chung và nhà ở, công nợ chung: anh chị xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

2.4. Về án phí: Chị Phạm Thanh H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Chị H, anh H có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 203, khoản 2 Điều 207, Điều 220, khoản 1 Điều 228, điểm a khoản 1 Điều 254, Điều 271, điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điểm 1.1 mục 1 phần II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Phạm Thanh H đối với anh Nguyễn Văn H. Chị H được ly hôn anh H.

2. Về con chung: Xác nhận chị H, anh H có 01 con chung là: Nguyễn Việt D sinh 10/11/1995. Con chung đã đủ 18 tuổi, đủ tuổi trưởng thành anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

3. Về tài sản chung và nhà ở, công nợ chung: anh chị xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về công nợ: chị H và anh H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Phạm Thanh H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí chị H đã nộp tại biên lai số: AC/2015/0004353 ngày 16/10/2018 của cơ quan Thi hành án dân sự quận H, Thành phố H

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị H, vắng mặt anh H. Chị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND Thành phố H;
- VKSND quận H;
- UBND phường C, quận H, thành phố H
(GCNKH số: 114/1995, ngày 05/12/1995).
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

Đỗ Thị Hồng Hạnh